

Bản án số: 49/2020/HS-ST
Ngày: 29-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Văn Châu;

Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn V T (tên gọi khác: Dương Thanh Hùng), sinh năm 1990 tại Bạc Liêu; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: ấp , xã VB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn On và bà Nguyễn Thị Thủy; có vợ là Nguyễn Thị Ái Châu (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2019; tiền án: Ngày 24 tháng 8 năm 2010, bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Cướp giật tài sản; ngày 27 tháng 9 năm 2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tổng hợp 02 bản án là 05 (năm) năm tù; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa bồi thường thiệt hại và nộp án phí; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-02-2020 đến nay, có mặt.

2. Võ n Đ, sinh ngày 10 tháng 4 năm 2002 tại Gia Lai; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: thôn C, xã Đ, huyện M, tỉnh G; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Võ Ngọc T và bà Đỗ Thị Thu V; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27-02-2020 đến nay, có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ N Đ:

1. Bà Đỗ Thị Thu V, sinh năm 1970; trú tại: thôn Châu Khê, xã Đắc Yã, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai (là mẹ của bị cáo); vắng mặt.

2. Ông Võ Ngọc T, sinh năm 1970; trú tại: thôn Châu Khê, xã Đắc Yã, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai (là cha của bị cáo); vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Võ N Đ: Ông Lê Văn Mãi, là Luật sư – Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Dương, là người bào chữa chỉ định cho bị cáo Đ, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- Bị hại:

1. Bà Lê Thị Minh X, sinh năm 1966; nơi cư trú: tổ , khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh B, vắng mặt.

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn TNh, xã XD, huyện , tỉnh T, vắng mặt.

3. Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp , xã , huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ 22, khu phố 2A, phường LB, thành phố B, tỉnh Đ, vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2002; nơi cư trú: ấp Càng, thị trấn T, huyện T, tỉnh ST, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Hoàng Xuân H, sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ 22, khu phố 2A, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

2. Bà Đỗ Thị Thu V, sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn CK, xã Đă, huyện M Yang, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Võ Ngọc Đ quen biết cùng ở trọ tại xã Trừ Văn Thố, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 18 giờ ngày 27 tháng 02 năm 2020, Tuấn rủ Đình đi cướp giật tài sản để kiếm tiền trả tiền thuê nhà trọ và chia nhau tiêu xài, Đình đồng ý. Sau đó, Đình điều khiển xe mô tô biển số 81E1-137.57 chở Tuấn lưu thông trên Quốc lộ 13 hướng từ ngã ba Bàng Lãng thuộc khu phố Bàu Lòng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đến thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương thực hiện 04 vụ cướp giật tài sản của người đi đường, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ ngày 27 tháng 02 năm 2020, Đ chở T đến đoạn đường thuộc khu phố Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Tuấn phát hiện chị Xuân đang lưu thông cùng chiều phía trước có đeo túi xách, T kêu Đình điều khiển xe mô tô chạy áp sát xe của chị Xuân, T dùng

tay trái nắm dây đeo túi xách, tay phải cầm dao cắt đứt dây, giật túi xách của chị Xuân rồi cả hai tăng ga tẩu thoát.

Vụ thứ hai: Sau khi cướp giật được túi xách của chị Xuân, Đ điều khiển xe mô tô chở T chạy đến khu vực khu phố 4, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, T nhìn thấy chị Hằng điều khiển xe mô tô chở phía sau chị Hồng đeo túi xách. Đ điều khiển xe chạy áp sát xe chị Hằng, T dùng dao cắt dây đeo túi xách của chị Hồng rồi giật túi xách.

Vụ thứ ba: Sau khi cướp giật được túi xách của chị Hồng, Đ điều khiển xe mô tô chở T chạy trên Quốc lộ 13 hướng về ngã ba Bàng Lãng thuộc khu phố Bàu Lòng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Khi đến đoạn đường thuộc thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, T nhìn thấy anh Hưng chở phía sau chị Nguyễn Thị Ngân đeo túi xách bên phần đường hướng ngược lại. T kêu Đ điều khiển xe qua đường để giật túi xách của chị Ngân. Đ điều khiển xe mô tô chạy áp sát xe của anh Hưng để Tuấn dùng dao cắt dây và giật túi xách của chị Ngân rồi cả hai tăng ga tẩu thoát.

Vụ thứ tư: Sau khi cướp giật túi xách của chị Ngân, Đ điều khiển xe mô tô chạy trên Quốc lộ 13 hướng đến huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Khi đến đoạn đường thuộc khu phố Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương thì T nhìn thấy chị Thúy lưu thông cùng chiều phía trước, chị Thúy để điện thoại di động ở túi quần sau bên phải. T kêu Đ điều khiển xe chạy áp sát xe chị Thúy, T dùng tay trái giật lấy điện thoại của chị Thúy rồi cả hai tăng ga tẩu thoát.

Đến khoảng 21 giờ ngày 27 tháng 02 năm 2020, Đ điều khiển xe mô tô trên chở T trên đường Quốc lộ 13 đến đoạn đường thuộc khu phố Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương thì bị lực lượng Công an huyện Bàu Bàng phát hiện có biểu hiện nghi vấn nên ra hiệu lệnh dừng xe để kiểm tra. Thấy vậy, Đ điều khiển xe mô tô quay đầu bỏ chạy, T ngồi sau sử dụng 02 dao tự chế mang theo chống trả lực lượng Công an. Khi Đ điều khiển xe đến khu vực khu phố Cây Sắn, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương thì Đ và T bị lực lượng Công an bắt giữ, thu giữ những đồ vật gồm:

- Thu giữ trên người Nguyễn Văn T: 01 bóp da màu nâu bên trong có 1.000.000 đồng; 01 dao tự chế cán nhựa xanh, lưỡi dài 12 cm; 01 dao kim loại dài 22 cm, rộng 4,5 cm cán quần vải đen; 01 bóp nữ bên trong có 468.000 đồng cùng giấy tờ tùy thân mang tên Nguyễn Thị Hồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

- Thu giữ trên người Võ Ngọc Đ: 01 túi đeo chéo màu đen bên trong có 01 bóp nam có số tiền 1.682.000 đồng; 01 điện thoại di động OPPO màu xanh.

- Thu giữ trong ba lô màu đen để phía trước xe mô tô gồm: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh đã hỏng, 01 túi xách màu đen hiệu Pierre Loues bên trong có: 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 nhẫn kim loại màu vàng; 01 mặt

dây chuyền kim loại màu bạc đính đá màu đỏ; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Hồng; 01 túi xách màu nâu hiệu Sofia bên trong có: 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm đều mang tên Nguyễn Thị Ngân; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm mang tên Hoàng Xuân Hưng; số tiền 3.632.700 đồng; 01 túi xách vải bông bên trong có: 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM, 01 giấy phép lái xe đều tên Lê Thị Minh Xuân; 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Lê Thanh Thảo; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Fedylon; 01 nhẫn kim loại màu vàng; 01 nhẫn kim loại màu bạc; 01 bóp da màu nâu bên trong có 797.000 đồng; 01 tờ mệnh giá 02 đô la Mỹ; 01 tờ mệnh giá 2 đô la Singapore.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bàu Bàng xác định tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.510.700 đồng; cụ thể:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5, đã qua sử dụng, trị giá 1.000.000 đồng.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7, đã qua sử dụng, trị giá 1.500.000 đồng.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung A9, đã qua sử dụng, trị giá 1.000.000 đồng.
- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5, đã qua sử dụng, trị giá 1.500.000 đồng.
- 01 túi xách vải hoa, không nhãn hiệu, đã qua sử dụng, trị giá 30.000 đồng.
- 01 túi xách hiệu Pierre Loues, đã qua sử dụng, trị giá 50.000 đồng.
- 01 túi xách hiệu Sofia, đã qua sử dụng, trị giá 100.000 đồng.
- 01 đồng hồ đeo tay nữ hiệu Fedylon, đã qua sử dụng, trị giá 150.000 đồng.
- 01 tờ đô la Mỹ mệnh giá 2 đô la, trị giá 46.600 đồng.
- 01 tờ đô la Singapore mệnh giá 2 đô la, trị giá 35.556 đồng.
- 01 mặt dây chuyền màu bạc, đã qua sử dụng, trị giá 50.000 đồng.
- 01 nhẫn kim loại màu vàng, đã qua sử dụng, trị giá 10.000 đồng.
- 01 nhẫn kim loại màu bạc, đã qua sử dụng, trị giá 10.000 đồng.
- 01 nhẫn kim loại màu vàng, đã qua sử dụng, trị giá 10.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Ngọc Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Bản Cáo trạng số 51/CT-VKSNDDBB ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ N Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo điều khoản trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều luật và mức hình phạt đối với từng bị cáo cụ thể như sau:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 và các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Tuấn từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đ từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 bóp da màu nâu, số tiền 1.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen là của T, trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại cho T. Đối với bóp nam màu đen, số tiền 1.682.000 đồng và 01 điện thoại di động OPPO màu xanh của Đ trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng đã trả lại cho Đ. Đối với 01 dao tự chế cán nhựa xanh, lưỡi dài 12 cm và 01 dao kim loại dài 22 cm, rộng 4,5 cm cán quấn vải đen của Nguyễn V T tự chế để thực hiện hành vi cướp giật tài sản đề nghị tịch thu tiêu hủy. Đối với xe Yamaha hiệu Sirius biển số 81E1-137.57 do bà Đỗ Thị Thu Vân đứng tên, bà Vân cho bị cáo Đ mượn làm phương tiện đi lại, bà Vân không biết bị cáo Đ sử dụng xe này để đi cướp giật tài sản nên đề nghị trả lại cho bà Vân.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Võ N Đ vắng mặt, có gửi lời bào chữa với nội dung: thống nhất tội danh, điều luật như Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, Bị cáo Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản thu hồi trả lại cho bị hại, bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, khả năng nhận thức pháp luật của bị cáo còn hạn chế và bị cáo phạm tội do người khác rủ rê. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Nguyễn V T trình bày: Hành vi của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật. Bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của Nhà nước và pháp luật để bị cáo có cơ hội sớm được trở về hòa nhập với xã hội.

Bị cáo Võ N Đ trình bày: Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sớm được trở về hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận:

Khoảng 18 giờ ngày 27 tháng 02 năm 2020, Nguyễn Văn T rủ V Ngọc Đ đi giật tài sản của người đi đường để lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Sau đó, Đình điều khiển xe mô tô chở Tuấn ngồi phía sau cướp giật tài sản của các bị hại Lê Thị Minh Xuân, Nguyễn Thị Ngân, Nguyễn Ngọc Thúy, Nguyễn Thị Hồng và Lê Thị Hằng. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt là 9.510.700 đồng. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, phù hợp với nội dung Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản”, các bị cáo dùng xe mô tô áp sát giật tài sản của các bị hại là dùng thủ đoạn nguy hiểm. Cáo trạng truy tố các bị cáo tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử sẽ phân tích vai trò của các bị cáo để thấy được tính chất, mức độ của từng bị cáo. Bị cáo T là người đề xuất và là người trực tiếp thực hiện hành vi giật tài sản của các bị hại nên bị cáo T vừa là người chủ mưu vừa là người thực hành. Bị cáo Đ khi được bị cáo T rủ rê đã đồng ý và là người chuẩn bị xe mô tô, lái xe chở bị cáo T nên bị cáo Đ vừa là người giúp sức vừa là người thực hành. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xử các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi phạm tội của mình gây ra. Hành vi cướp giật tài sản của các bị cáo đối với các bị hại là nguy hiểm, xâm phạm đến tài sản, sức khỏe và có thể ảnh hưởng đến tính mạng của

các bị hại được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xử lý bằng biện pháp hình sự tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T thực hiện 04 (bốn) vụ cướp giật tài sản của các bị hại nên thuộc tình tiết phạm tội hai lần trở lên, bị cáo chưa được xóa án tích về tội rất nghiêm trọng mà tiếp tục phạm tội nên bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Võ N Đ thực hiện 04 (bốn) vụ cướp giật tài sản của các bị hại nên phải chịu tình tiết phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Bị cáo Đ phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; cho bị cáo Đ mức án nhẹ hơn so với bị cáo T.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô biển số 81E1-137.57 là tài sản hợp pháp của bà Đỗ Thị Thu Vân, bà Vân không biết bị cáo Đình dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử trả lại cho bà Vân. Đối với 01 ba lô màu đen, 01 dao tự chế cán tròn màu xanh, 01 dao kim loại không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51 và các điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn Tuấn.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Võ N Đ.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106, Điều 136 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, Mục 1, Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Võ Ngọc Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 02 năm 2020.

- Xử phạt bị cáo Võ Ngọc Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 02 năm 2020.

2. Về vật chứng: Trả lại cho bà Đỗ Thị Thu Vân 01 (một) xe mô tô Yamaha Sirius, biển số 81E1-137.57, số khung 3210JY234205, số máy E3X9E552558.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) ba lô màu đen, 01 (một) dao tự chế cán tròn màu xanh lưỡi dao dài 12 cm, mũi nhọn 0,1 cm được bọc trong vỏ nhựa màu vàng; 01 (một) dao kim loại dài 22 cm, rộng 4,5 cm cán dao quấn vải đen.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo Nguyễn Văn Tuấn và Võ Ngọc Đình mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Công TTĐT TANDTC (nếu có);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa